

Số: 3904260

| | THACO CRUIZER 81S - 29 GHẾ WP4.6 | THACO MOBIHOME 120 - 34 GIƯỜNG VIP |
|--------------------------------|---|--|
| Giá niêm yết: | 1.949.000.000đ | 3.649.000.000đ |
| KÍCH THƯỚC: | | |
| Kích thước tổng thể(DxRxC) | 8.180 x 2.370 x 3.150 mm | 12.180 x 2.500 x 3.600 mm |
| Chiều dài cơ sở | 3.900 mm | 6.000 mm |
| Vết bánh xe trước/sau | 1.997 / 1.738 mm | 2.096/ 1.876 mm |
| KHỐI LƯỢNG: | | |
| Khối lượng bản thân | 7.470 kg | 12.760 - 13.390 kg |
| Khối lượng toàn bộ | 9.565 kg | 15.650 - 16.000 kg |
| Số chỗ ngồi | 29/20 chỗ | 32/34/36 giường |
| ĐỘNG CƠ: | | |
| Tên động cơ | WP4.6NQ220E50 | WP12H400E50 |
| Loại động cơ | Động cơ diesel, 4 xylanh thẳng hàng, tăng áp | Động cơ diesel, 6 xy lanh thẳng hàng, tăng áp |
| Dung tích xi lanh | 4.580 cc | 11.500 cc |
| Công suất cực đại/ tốc độ quay | 220/2.300 Ps/(vòng/phút) | 400/1.800 Ps/(vòng/phút) |
| Mô men xoắn/ tốc độ quay | 800/1.200 - 1.800 N.m/(vòng/phút) | 2.000/900 - 1.300 N.m/(vòng/phút) |
| TRUYỀN ĐỘNG: | | |
| Hộp số | 6DSX80T | MT: FAST 6DSX200T (06 số tiến, 01 số lùi) AT: ZF 6AP2020C |
| Tỷ số truyền | 3.89 | |
| HỆ THỐNG PHANH: | | |
| Hệ thống phanh | Đĩa/ tang trống. Phanh khí xả. Có ABS | Tang trống/ tang trống. Có ABS/ASR (MT tích hợp phanh điện tử; AT tích hợp phanh thủy lực) |
| HỆ THỐNG TREO: | | |
| Trước | Phụ thuộc, 02 bầu hơi, 02 giảm chấn, thanh cân bằng | Phụ thuộc, 02 bầu hơi, 02 giảm chấn, thanh cân bằng |
| Sau | Phụ thuộc 04 bầu hơi, 04 giảm chấn, thanh cân bằng | Phụ thuộc 04 bầu hơi, 04 giảm chấn, thanh cân bằng |
| LỐP XE: | | |
| Trước/Sau | 245/70R19.5 | Michelin/ 12R22.5 |
| ĐẶC TÍNH: | | |
| Khả năng leo dốc | 48.3 % | 48 % |
| Tốc độ tối đa | 122 km/h | 120 km/h |
| Dung tích thùng nhiên liệu | 100 lít | 400 lít |
| HỆ THỐNG LÁI: | | |
| Hệ thống lái | Trục vít ê cu bi, trợ lực thủy lực | Trục vít ê cu bi, trợ lực thủy lực |